TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/7/2019
V/v"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Thanh Bình.
2.Ông Nguyễn Xuân Chuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 29/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX-ST ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị Tô Thị H (tức : Tô Thị H1), sinh ngày 29/7/ 1988.
Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn**: Anh Dương Văn T, sinh ngày 07/3/1985.
Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại Đài Loan.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn anh Dương Văn T: Chị Trịnh Thị H - sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn B, xã QT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. (Không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 11/6/2019 nguyên đơn chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1) trình bày: Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 03/2/2009, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011 thì anh T đi lao động tại Đài Loan. Khoảng tháng 5/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2014 thì chị cũng đi lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì vợ chồng cũng không gặp nhau, rất ít khi liên lạc với nhau, có liên lạc cũng chỉ để trao đổi về con chung do vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước đó. Tháng 4/2019 chị đã hết hợp đồng lao động tại Đài Loan và về sinh sống hẳn tại Việt Nam, còn anh T hiện nay vẫn đang lao động tại Đài Loan. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị ly hôn anh Dương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Hồng Th, sinh ngày 24/01/2010. Hiện nay cháu Th đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Do chị thường xuyên đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T.

Bị đơn anh Dương Văn T (tại bản tự khai có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Loan) trình bày: Anh và chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1) kết hôn ngày 03/2/2009. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011 thì anh đi lao động tại Đài Loan. Khoảng tháng 5/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2014 thì chị H cũng sang lao động tại Đài Loan. Tuy cùng ở Đài Loan nhưng hai vợ chồng cũng không gặp nhau, rất ít khi liên lạc với

nhau. Tháng 4/2019 chị H đã hết hợp đồng lao động tại Đài Loan và về sinh sống hẳn tại Việt Nam, còn anh vẫn đang lao động tại Đài Loan theo hợp đồng. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Hồng Th, sinh ngày 24/01/2010. Hiện nay cháu Th đang ở với chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi cháu Th, anh không cấp dưỡng nuôi con chung, sau này cháu Th khôn lớn anh sẽ lo lắng cho cháu sau.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Do anh đang lao động ở Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh.

Anh cũng ủy quyền cho chị Trịnh Thị H - sinh năm 1976.(Địa chỉ: Thôn B, xã QT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang) nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn trình bày đề ngày 07/6/2019 cháu Dương Hồng Th trình bày: Cháu là con của mẹ Tô Thị H và bố Dương Văn T. Hiện cháu đang ở với mẹ cháu là Tô Thị H. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu vì mẹ cháu chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1), bị đơn anh Dương Văn T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; bản tự khai của anh T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tô Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Dương Văn T là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại: Xóm B, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, hiện anh Thường đang lao động, cư trú tại Đài Loan. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1) và anh Dương Văn T đã có quan điểm trình bày về việc giải quyết ly hôn và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T.

[3].Về quan hệ Hôn nhân:

[3.1]. Chị Tô Thị H (tức: Tô Thị H1) và anh Dương Văn T kết hôn ngày 03/2/2009, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Do đó, HĐXX xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì anh T đi lao động tại Đài Loan. Khoảng tháng 5/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2014 thì chị H cũng đi lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì hai vợ chồng cũng không gặp nhau, rất ít khi liên lạc với nhau. Tháng 4/2019 chị H đã hết hợp đồng lao động tại Đài Loan và về sinh sống hẳn tại Việt Nam, còn anh T hiện nay vẫn đang lao động tại Đài Loan. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Dương Hồng Th, sinh ngày 24/01/2010. Hiện nay cháu Th đang ở với chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Bản thân anh T cũng đồng ý để chị H nuôi cháu Th, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. Đối với cháu Dương Hồng Th là con chung chưa thành niên, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung, anh T cũng đồng ý, nguyện vọng của cháu Th cũng muốn ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho

chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Hồng Th, sinh ngày 24/01/2010. Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tô Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Dương Văn T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tô Thị H, anh Dương Văn T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6].Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Tô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Tô Thị H được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H (tức: Tô Thị H1) được ly hôn anh Dương Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Tô Thị H (tức: Tô Thị H1) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Hồng Th, sinh ngày 24/01/2010. Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tô Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tô Thị H (tức Tô Thị H1) phải chịu 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000336 ngày 03/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Tô Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

- Chị Tô Thị H (tức: Tô Thị H1) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- Anh Dương Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn là 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã NH, huyện LG;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng